TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HS-ST
Ngày: 23-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chúc Ngân

Bà Nguyễn Thị Thắm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Việt Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 80/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 39/TB-TA ngày 13 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Đỗ Quang T, sinh năm 1976 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số B, tổ F, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C (Chết) và bà Nguyễn Thị C1 (1931); bị cáo là con út trong gia đình sáu anh chị em, có vợ Nguyễn Thị Kim T1 (1976) và hai con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/12/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.(Có mặt)

- *Bị hại*: Anh Trần Minh D; sinh năm 2002; Nơi cư trú: Số B, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số B, tổ F, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 28/9/2024, anh Trần Minh D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 60B3-630.52 từ Quốc lộ B vào khu dân cư thuộc ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai để về nhà. Khi đến trước cửa nhà Đỗ Quang T thì có xe ô tô tải của gia đình T chắn đường bê tông đi lại trong khu dân cư không qua lại được. Lúc này, D ngồi trên xe mô tô bấm còi xe để yêu cầu tài xế xe ô tô tải di chuyển xe đi để có lối đi lại. Khoảng 02 phút sau T từ trong nhà đi ra thì xảy ra mâu thuẫn với D, hai bên chửi nhau qua lại. Liền lúc đó, Trần Quốc T2 là con rể của T từ trong nhà đi ra và nói D lùi xe mô tô lại để T2 di chuyển ô tô tải đi nơi khác để lấy lối đi lại. Sau đó, D lùi xe mô tô, T2 điều khiển xe ô tô tải chạy đi, D điều khiển xe mô tô về nhà thì thấy T và vợ là Nguyễn Thị Kim T1 đang đứng trước cổng nhà T, D dừng xe lại và xuống xe tiếp tục có lời qua tiếng lại với T rồi cả hai xông vào xô đẩy nhau vào trong sân nhà T, ngay lúc đó T nhặt một cây tuýp sắt (dài 38cm, đường kính 27mm) trong sân đánh về phía D, D đưa tay trái lên đỡ thì bị đánh trúng vào cổ tay trái gây thương tích. Sau đó, được người dân can ngăn, D về nhà và được gia đình đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 1193/KLTTCT-TTPYĐN ngày 04/11/2024 của Trung tâm P, kết luận: "Gãy đầu dưới xương trụ trái, can xấu, lệch trục, hạn chế vận động cẳng - cổ tay trái. Tỷ lệ: 21%. Vật gây thương tích: Vật tày".

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Minh D tại thời điểm giám định là 21%.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 26/CT.VKS-TN ngày 04/3/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, tuyên bị cáo Đỗ Quang T Nguyễn Bảo N phạm tội "Cố ý gây thương tích" và xử phạt bị cáo T từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thửa thách từ 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 28/9/2024 tại khu dân cư thuộc ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Đỗ Quang T đã có hành vi sử dụng một cây tuýp sắt dài 38cm đường kính 27mm đánh vào cổ tay trái anh Trần Minh D gây thương tích với tỷ lệ 21%.

Như vậy, hành vi bị cáo thực hiện, hung khí bị cáo sử dụng, hậu quả bị cáo gây ra thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự *"*a) "*Dùng hung khí nguy hiểm*" nên định khung tăng nặng tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự: *"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: ... đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*".

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi của bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác. Chỉ vì mâu thuẫn và mặc dù bị hại cũng có lỗi khi tiếp tục dừng xe xúc phạm vợ chồng bị cáo, lẽ ra bị cáo phải có cách cư xử cho đúng, phù hợp với đạo đức và pháp luật nhưng do bị cáo không kiềm chế bản thân, bị cáo đã dùng tuýp sắt đánh bị hại thể hiện ý thức xem thường pháp luật cũng như xem thường sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần có mức án đủ nghiêm, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo*:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực tác động gia đình bồi thường cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo có học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế nên xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị hại cũng thừa nhận có một phần lỗi. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, luôn chấp hành chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Kể từ khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bị tạm giam từ 10/12/2024 đến nay gần 06 (Sáu) tháng đủ để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình. Hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận và bản thân bị cáo có sức khỏe không tốt (tăng huyết áp vô căn, xơ vữa động mạch cảnh 02 bên, hở van hai lá ¼, hở van động mạch chủ 1.5/4, chức năng tâm thu thất trái EF # 61%, bóng tim to).

Đối chiếu Nghị quyết hợp nhất văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự tại khoản 2 Điều 2 "Điều kiện cho người được kết án hưởng án treo" bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo. Nhận thấy, việc không cách ly bị cáo để cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giám sát đối với bị cáo cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục lao động để cống hiến cho gia đình và xã hội đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] *Về vật chứng vụ án*: Một cây tuýp sắt dài 38cm đường kính 27mm là hung khí bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại từ gia đình của bị cáo với số tiền là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 46; Điều 47; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 23/5/2025).

Giao bị cáo Đỗ Quang T cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đỗ Quang T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy một cây tuýp sắt dài 38cm đường kính 27mm *(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/3/2025 giữa Công an tỉnh Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất)*.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Quang T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thùy Trang